

Số: 336/BC-ĐHCNQ

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 10 năm 2025

V/v Báo cáo tình hình việc
làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2024

Kính gửi: Vụ Giáo dục Đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn số 3943/BGDĐT- GDĐH ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc khảo sát, công khai và báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp;

Căn cứ Kế hoạch số 10/KH-ĐHCNQ ngày 13 tháng 01 năm 2025 của trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh về việc khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2024. Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh báo cáo như sau:

I. Thông tin chung

1. Tổng số tốt nghiệp năm 2024: 151 sinh viên; trình độ đại học: 100%.

2. Đã khảo sát: 151 sinh viên, trong đó:

- Sinh viên tốt nghiệp có phản hồi: 151 sinh viên, đạt 100%
- Sinh viên tốt nghiệp không phản hồi: 0 %
- Hình thức khảo sát: gọi điện thoại trực tiếp, phiếu khảo sát trực tiếp.

II. Tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp (Có phụ lục kèm theo)

Được đánh giá trên 3 chỉ tiêu:

- Sinh viên có việc làm đạt tỷ lệ 98,68 %;
- Sinh viên chưa có việc làm tỷ lệ: 1,32%;
- Số sinh viên đang học nâng cao tỷ lệ: 0%.

III. Khu vực việc làm của sinh viên tốt nghiệp

- Khu vực nhà nước đạt tỷ lệ: 17,21 %
- Tổ chức tư nhân đạt tỷ lệ: 52,31 %
- Liên doanh với nước ngoài đạt tỷ lệ: 28,47 %
- Tự tạo việc làm đạt tỷ lệ: 0 %

IV. Đánh giá mối quan hệ giữa kết quả đào tạo và tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp.

Từ kết quả khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp có thể đánh giá như sau:

- Đa số sinh viên tốt nghiệp đều đã có việc làm.
- Việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong các khu vực: sinh viên làm trong khối tư nhân chiếm phần lớn 52,31%, khối liên doanh với nước ngoài chiếm tỷ lệ 28,47%; khối nhà nước chiếm tỷ lệ 17,21%.

Tuy nhiên tính ổn định trong việc làm chưa cao; nhiều sinh viên tốt nghiệp có việc làm, kể cả việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo nhưng sau thời gian đã dịch chuyển sang làm việc khác phù hợp với các điều kiện như: Thu nhập cao hơn; khả năng

phát triển lâu dài; điều kiện đi lại, sinh hoạt và các điều kiện khác xuất hiện trong xã hội... Đây là xu hướng trải nghiệm của lao động trẻ, chưa bằng lòng với hiện tại, luôn vươn tới cái mới, muốn thử sức ở lĩnh vực khác.

Trên đây là những thông tin cần thiết để Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh định hướng đào tạo trong những năm tới cụ thể là: Xác định chỉ tiêu tuyển sinh, điều chỉnh cơ cấu ngành đào tạo, đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, phương pháp dạy học và một số thay đổi khác nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

Trường đại học Công nghiệp Quảng Ninh rất mong nhận được sự chỉ đạo kịp thời của Bộ Giáo dục và Đào tạo để Nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, nhu cầu xã hội và người học.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Giám hiệu;
- Các đơn vị;
- Lưu: VT, CTSV.



TS. Hoàng Hùng Thắng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2024

Trình độ đào tạo: Đại học, Liên thông Đại học
Họ và tên cán bộ tổng hợp: Phạm Thị Thu Hương Số điện thoại liên hệ: 0203.3871.731; 0984096725

STT	Mã ngành(*)	Tên ngành	Số SVTN		Số SVPH		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SVTN có việc làm/tổng số SV phản hồi (%)	Tỷ lệ SVTN có việc làm/tổng số SV tốt nghiệp (%)
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm		
							Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan ngành đào tạo				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	7520601	Kỹ thuật mỏ	10	0	10	0	9	0	1	0	0	100,00	100,00
2	7510301	Kỹ thuật điện, điện tử	42	1	42	1	32	7	2		1	97,62	97,62
3	7520607	Kỹ thuật tuyển khoáng	6	0	6	0	5	1	0	0	0	100,00	100,00
4	7510303	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	33	0	33	0	18	9	5		1	96,97	96,97
5	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7	0	7	0	7	0	0	0	0	100,00	100,00
6	7340101	Quản trị kinh doanh	7	1	7	1	7	0	0	0	0	100,00	100,00
7	7340201	Tài chính ngân hàng	7	6	7	6	7	0	0	0	0	100,00	100,00
8	7340301	Kế toán	29	23	29	23	24	1	4	0	0	100,00	100,00
9	7480201	Công nghệ thông tin	10	1	10	1	8	2	0	0	0	100,00	100,00
		Tổng	151	32	151	32	117	20	12	0	2	98,68	98,68

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 07 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG


TS. Hoàng Hùng Thắng

Mẫu số 02

BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐHCN QUẢNG NINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 336/BC-ĐHCNQN ngày 13 tháng 1 năm 2025 của trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
							Điện thoại		Có
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	CQ10DH0124	Nguyễn Đỗ Đức Nghĩa	Nam	05/09/1999	7340101	022099001353	0967819686	PKS	x
2	CQ11DH0051	Hoàng Anh Quân	Nam	03/11/1999	7510303	022099001966	0378403889	PKS	x
3	CQ11DH0024	Nguyễn Đức Hoàng	Nam	03/02/2000	7340301	022200005981	0388176684	PKS	x
4	CQ12DH0003	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	15/11/2001	7510301	022201006069	0388113701	PKS	x
5	CQ12DH0032	Đinh Văn Thái	Nam	16/09/2001	7510301	022201001321	0398722325	PKS	x
6	CQ12DH0088	Đồng Minh Quang	Nam	21/09/1997	7520607	010097004858	0375929010	PKS	x
7	CQ12DH0087	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	29/08/2001	7520601		0366706037	PKS	x
8	CQ12DH0137	Dương Văn Huệ Giang	Nam	01/12/2000	7520601	001200022569	0369033889	PKS	x
9	CQ12DH0148	Bùi Văn Long	Nam	16/04/1991	7520601	030091005407	0973621868	PKS	x
10	CQ12DH0085	Nguyễn Tiến Thành	Nam	24/06/2000	7520601	022200006576	0904343398	PKS	x
11	CQ12DH0059	Trần Khánh Duy	Nam	23/12/2001	7340101	022201001963	0377563697	PKS	x
12	CQ13DH0364	Hoàng Văn Chinh	Nam	12/02/2002	7480201	033202006741	0399674586	PKS	x
13	CQ13DH0088	Lê Tiến Đạt	Nam	14/01/2002	7480201	022202002708	0878810251	PKS	x
14	CQ13DH0429	Chu Tiến Đoàn	Nam	25/10/2002	7480201	020202007118	0869322165	PKS	x
15	CQ13DH0072	Trương Thành Lộc	Nam	19/10/2002	7480201		0398399458	PKS	x
16	CQ13DH0091	Vũ Đức Thắng	Nam	31/10/2002	7480201	022202004923	0332288295	PKS	x
17	CQ13DH0084	Vũ Văn Trung	Nam	22/06/2002	7480201		0329424632	PKS	x
18	CQ13DH0370	Đinh Quang Tuấn	Nam	26/07/2002	7480201		0338816869	PKS	x
19	CQ13DH0323	Bùi Huy Việt	Nam	03/01/2002	7480201	022202002646	0367960616	PKS	x
20	LA13DH0015	Bang Phonevilay	Nữ	05/12/1999	7480201	PA 0335445	0899021044	PKS	x
21	LA13DH0014	Vanxay Vangchuemoua	Nam	25/04/1999	7480201	PA0335215	0945782833	PKS	x

// 2025/10

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
							Điện thoại		Có
22	CQ13DH0442	Vũ Minh Đức	Nam	26/10/1998	7520607	022098001999	0969303519	PKS	x
23	CQ13DH0256	Dương Thanh Huy	Nam	22/05/2002	7520607	022202002774	0365551268	PKS	x
24	CQ13DH0267	Nguyễn Minh Thắng	Nam	24/03/2002	7520607	022202001441	0787243060	PKS	x
25	CQ13DH0322	Đỗ Hoàng Việt	Nam	12/02/2002	7520607	022202002475	0384949974	PKS	x
26	CQ13DH0329	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	09/08/2002	7510201		0971506166	PKS	x
27	CQ13DH0432	Võ Vinh Giang	Nam	06/09/2002	7510201		0377895208	PKS	x
28	CQ13DH0181	Nguyễn Tuấn Hiền	Nam	29/05/2002	7510201		0961721603	PKS	x
29	CQ13DH0271	Trần Gia Phong	Nam	26/05/2002	7510201		0972278030	PKS	x
30	LA13DH0020	Khamsy Lorxayxang	Nam	07/01/2001	7510201	PA0330726	0796373090	PKS	x
31	LA13DH0016	Phouvone Vilaphone	Nam	11/07/2001	7510201	P2281651	0898243935	PKS	x
32	LA13DH0017	Ongphet Yotbounmy	Nam	01/02/1999	7510201	PA 0334938	089639713	PKS	x
33	CQ13DH0231	Lê Thanh Bách	Nam	23/09/2001	7510301	022201004167	0338740963	PKS	x
34	CQ13DH0058	Đặng Minh Hiếu	Nam	25/06/2001	7510301	022201005607	0961895791	PKS	x
35	CQ13DH0251	Tô Tiến Hiếu	Nam	03/12/2002	7510301	022202004624	0387133610	PKS	x
36	CQ13DH0273	Lê Trọng Tú	Nam	27/12/2002	7510301	022202001074	0833064266	PKS	x
37	CQ13DH0282	Nguyễn Văn Đạt	Nam	19/11/2002	7510301	022202001388	0388197598	PKS	x
38	CQ13DH0268	Đinh Như Đức	Nam	26/10/2002	7510301	022202003877	0342319871	PKS	x
39	CQ13DH0387	Vũ Hoàng Trung Đức	Nam	19/03/2002	7510301	022202005831	0796808215	PKS	x
40	CQ13DH0186	Trịnh Ngọc Dũng	Nam	14/12/2002	7510301	022202005890	0983994913	PKS	x
41	CQ13DH0263	Trần Hùng Dũng	Nam	31/08/2002	7510301	022202002862	0918093758	PKS	x
42	CQ13DH0178	Phạm Văn Hiếu	Nam	08/01/2002	7510301	034202009643	0359943577	PKS	x
43	CQ13DH0295	Đỗ Khắc Hoàng	Nam	20/08/2002	7510301	022202006453	0333523448	PKS	x
44	CQ13DH0240	Phạm Thế Hùng	Nam	28/03/2002	7510301	022202001006	0388900579	PKS	x
45	CQ13DH0389	Đinh Việt Hưng	Nam	23/09/2002	7510301	022202005948	0774186128	PKS	x
46	CQ13DH0248	Bế Tiến Huy	Nam	02/03/2002	7510301	022202004037	0378983696	PKS	x
47	CQ13DH0232	Vũ Huy Đức Long	Nam	19/11/2001	7510301	022201004789	0964290155	PKS	x
48	CQ13DH0239	Đỗ Đình Lương	Nam	12/07/2002	7510301	034202001189	0342655451	PKS	x

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
							Điện thoại		Có
49	CQ13DH0265	Cao Hoàng Mạnh	Nam	06/12/2002	7510301	0222020046605	0358506516	PKS	x
50	CQ13DH0175	Nguyễn Hồng Minh	Nam	13/11/2002	7510301	022202005881	0869394881	PKS	x
51	CQ13DH0299	Hoàng Long Quân	Nam	18/04/2002	7510301	0302026544	0987996374	PKS	x
52	CQ13DH0276	Mạc Hồng Quang	Nam	15/05/2002	7510301	030202000437	0981634251	PKS	x
53	CQ13DH0394	Vũ Đức Sơn	Nam	31/10/2001	7510301	0222021004768	0363158543	PKS	x
54	CQ13DH0254	Nguyễn Ngọc Thản	Nam	15/06/2002	7510301	034202002193	0394456348	PKS	x
55	CQ13DH0285	Đinh Công Thành	Nam	25/03/2002	7510301	022202004557	0856743714	PKS	x
56	CQ13DH0431	Hà Nguyễn Thế Toàn	Nam	30/08/2001	7510301	034201010937	0972116550	PKS	x
57	CQ13DH0246	Trần Bình Trọng	Nam	22/12/2002	7510301	022202007330	0585002167	PKS	x
58	CQ13DH0252	Hoàng Văn Trường	Nam	23/08/2002	7510301	022202006414	0384505330	PKS	x
59	CQ13DH0396	Nguyễn Quang Trường	Nam	18/07/2002	7510301	022202005904	0349636423	PKS	x
60	CQ13DH0257	Đinh Xuân Tùng	Nam	06/07/2002	7510301	022202000589	0352157202	PKS	x
61	LA13DH0023	Chor Lao	Nam	07/03/1999	7510301	P2263674	0793287229	PKS	x
62	LA13DH0019	Maipheng Lorphetxay	Nam	09/02/1999	7510301	P070054336	0788502616	GĐTT	x
63	LA13DH0027	Phimmason Manivong	Nam	15/10/2000	7510301	PA0327982	0898393275	GĐTT	x
64	LA13DH0005	Sathaphone Mathipanya	Nữ	26/07/2002	7510301	PA2068051		GĐTT	x
65	LA13DH0026	Chimy Pakayheuung	Nam	06/11/2001	7510301		0899264517	PKS	x
66	LA13DH0018	Senxay Phoutthavongsa	Nam	17/11/2001	7510301	P2906938	0763344594	PKS	x
67	LA13DH0025	Bounchanh Salikathong	Nam	06/09/2001	7510301	P3088991	0705747236	PKS	x
68	LA13DH0006	Soulinthone Sivongsack	Nam	15/05/1998	7510301	PA 0334606		PKS	x
69	LA13DH0007	Vongphachanh Thippaxay	Nam	05/03/2003	7510301	PA0323307		PKS	x
70	LA13DH0009	Anousith Vannachone	Nam	19/10/2002	7510301		0936776744	PKS	x
71	LA13DH0001	Xaiyasith Xaiyaphone	Nam	17/07/2002	7510301	PA0324888		PKS	x
72	CQ13DH0192	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	02/11/1995	7510303	030095010710	0965157666	PKS	x
73	CQ13DH0196	Phạm Tuấn Anh	Nam	25/08/2002	7510303	022202001107	0369969413	PKS	x
74	CQ13DH0198	Trần Việt Anh	Nam	16/08/2001	7510303	022201006051	0936654143	PKS	x
75	CQ13DH0199	Đoàn Tuấn Anh	Nam	07/11/2002	7510303	022202005561	0348635094	PKS	x

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
							Điện thoại		Có
76	CQ13DH0204	Vũ Tuấn Anh	Nam	21/05/2002	7510303	022202005318	0702291383	PKS	x
77	CQ13DH0208	Nguyễn Minh Anh	Nam	09/05/2002	7510303	030202000941	0365522840	GĐTT	x
78	CQ13DH0464	Nguyễn Văn Ca	Nam	01/11/1989	7510303	030089007609	0352368566	PKS	x
79	CQ13DH0219	Bùi Duy Đức	Nam	16/01/2002	7510303	022202000085	0357998139	PKS	x
80	CQ13DH0422	Trần Tiến Đức	Nam	07/03/2002	7510303	022202002057	0904067992	PKS	x
81	CQ13DH0298	Phạm Tiến Dũng	Nam	30/03/2002	7510303	022202000084	0869049001	PKS	x
82	CQ13DH0224	Bùi Đức Hiếu	Nam	16/12/2002	7510303	022202002849	0976378335	GĐTT	x
83	CQ13DH0402	Nguyễn Văn Hòa	Nam	04/05/2002	7510303	022202001329	0365376054	PKS	x
84	CQ13DH0189	Lê Việt Hoàng	Nam	20/10/2001	7510303	022201003358	0985939851	PKS	x
85	CQ13DH0235	Nguyễn Kim Việt Hoàng	Nam	24/10/2002	7510303	022202007331	0965241861	GĐTT	x
86	CQ13DH0188	Trần Quốc Hùng	Nam	03/11/2002	7510303	022202000933	0374598265	PKS	x
87	CQ13DH0190	Bùi Văn Huy	Nam	09/12/2002	7510303	022202000932	0988097903	PKS	x
88	CQ13DH0226	Lê Bảo Khang	Nam	17/05/2002	7510303	022202005156	0378671002	PKS	x
89	CQ13DH0423	Cao Vũ Lâm	Nam	18/11/2002	7510303	022202002904	0389897590	GĐTT	x
90	CQ13DH0205	Đinh Thành Lập	Nam	29/12/2001	7510303	022201004830	0329364026	GĐTT	x
91	CQ13DH0319	Lương Khánh Linh	Nam	31/12/2002	7510303	022202003292	0394959460	GĐTT	x
92	CQ13DH0194	Nguyễn Văn Lộc	Nam	08/07/2002	7510303	02220023756	0867435977	PKS	x
93	CQ13DH0206	Nguyễn Đức Minh	Nam	01/10/2002	7510303	022202003806	0904355080	PKS	x
94	CQ13DH0441	Bùi Hùng Quân	Nam	13/11/2002	7510303		0347910644	PKS	x
95	CQ13DH0304	Phạm Ngọc Sơn	Nam	09/07/2000	7510303	033300000365	0835861566	PKS	x
96	CQ13DH0193	Phạm Quốc Toàn	Nam	02/09/2002	7510303	022202002976	0377615321	PKS	x
97	CQ13DH0221	Hà Quốc Toàn	Nam	07/01/2002	7510303	022202003701	0377101201	PKS	x
98	CQ13DH0312	Ngô Thanh Tú	Nam	15/01/2002	7510303	030202000985	0961913669	PKS	x
99	CQ13DH0216	Lưu Mạnh Tuấn	Nam	12/02/2002	7510303	022202000150	0334516385	PKS	x
100	CQ13DH0218	Chu Minh Tuấn	Nam	01/11/2001	7510303	022201003295	0358820007	PKS	x
101	CQ13DH0244	Bùi Thế Vinh	Nam	06/10/2002	7510303	022202003962	0814401800	PKS	x
102	CQ13DH0404	Nguyễn Danh Vong	Nam	27/10/2002	7510303	022202002759	0865784662	PKS	x

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
							Điện thoại		Có
103	CQ13DH0016	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	21/04/2002	7340301	022302006269	0983310591	GĐTT	x
104	CQ13DH0028	Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	24/08/2002	7340301	022302001501	0793306968	PKS	x
105	CQ13DH0412	Vũ Trung Anh	Nam	05/09/2002	7340301	022202006457	0818368426	PKS	x
106	CQ13DH0050	Cao Ngọc Ánh	Nữ	08/12/2002	7340301	022302004519	0355143678	GĐTT	x
107	CQ13DH0054	Vũ Ngọc Ánh	Nữ	24/02/2002	7340301	022302002645	0979787611	PKS	x
108	CQ13DH0035	Nguyễn Thị Bình	Nữ	09/03/2002	7340301	022302005013	0989270771	PKS	x
109	CQ13DH0456	Đặng Văn Bình	Nam	22/12/2002	7340301	022202007342	0972942382	GĐTT	x
110	CQ13DH0057	Nguyễn Linh Chi	Nữ	16/07/2002	7340301	022302003358	0362283299	PKS	x
111	CQ13DH0049	Phùng Văn Đồng	Nam	02/11/2002	7340301	022202003826	0934307662	PKS	x
112	CQ13DH0019	Quách Thu Hiền	Nữ	03/07/2002	7340301	022302001328	0376626833	PKS	x
113	CQ13DH0362	Nguyễn Thị Thanh Lam	Nữ	23/07/2002	7340301	034302010372	0867055002	PKS	x
114	CQ13DH0005	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	21/07/2001	7340301	022301004770	0782277928	GĐTT	x
115	CQ13DH0063	Giang Thị Khánh Linh	Nữ	31/12/2002	7340301	022303003864	0705794719	GĐTT	x
116	CQ13DH0293	Nguyễn Hoài Linh	Nữ	18/11/2002	7340301	022302006174	0918531057	GĐTT	x
117	CQ13DH0303	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Nữ	26/12/2002	7340301	022302002135	0798741154	GĐTT	x
118	CQ13DH0003	Đỗ Văn Phòng	Nam	08/09/1995	7340301		0936928548	GĐTT	x
119	CQ13DH0053	Bùi Đình Như Quỳnh	Nữ	21/11/2002	7340301	022302006353	0788350928	GĐTT	x
120	CQ13DH0144	Ninh Thị Tâm	Nữ	05/07/2002	7340301	022302004031	0362521332	GĐTT	x
121	CQ13DH0061	Phạm Thị Thúy	Nữ	21/08/2002	7340301	022302007370	0975626713	PKS	x
122	CQ13DH0040	Vũ Thị Kiều Trang	Nữ	15/12/2002	7340301	030302004308	0355056538	PKS	x
123	CQ13DH0307	Lê Thị Huyền Trang	Nữ	30/01/2002	7340301	022302004999	0393031696	PKS	x
124	CQ13DH0342	Đào Thu Trang	Nữ	09/12/2002	7340301	030302000237	0373680291	PKS	x
125	CQ13DH0440	Chung Thị Kiều Trang	Nữ	19/10/2002	7340301	022302004340	0961397562	PKS	x
126	LA13DH0013	Soulasack Inthaxay	Nam	11/11/2001	7340301	P2902901	0896012559	PKS	x
127	LA13DH0012	Kounda Meexai	Nữ	29/12/2001	7340301	P0724005823	0775163801	PKS	x
128	LA13DH0010	Cheuy Phonemaisee	Nữ	13/10/2000	7340301	PA 0336472	0899929463	PKS	x
129	LA13DH0011	Maita Seesompheng	Nữ	16/10/2001	7340301	P2732355	0796673225	PKS	x

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
							Điện thoại		Có
130	CQ13DH0347	Nguyễn Văn Đồng	Nam	07/03/2002	7340101	022202005038	0328124042	PKS	x
131	CQ13DH0463	Nguyễn Trường Giang	Nam	02/02/1980	7340101	111111111	0982644388	PKS	x
132	CQ13DH0064	Nguyễn Huy Hoàng	Nam	05/09/1999	7340101	022099003391	0328849812	PKS	x
133	CQ13DH0367	Trần Quang Hưng	Nam	22/08/2002	7340101	022202004514	0377955128	PKS	x
134	CQ13DH0419	Dương Ngọc Thùy	Nữ	01/01/2002	7340101	022302006539	0923242202	PKS	x
135	CQ13DH0462	Cao Thị Thùy Anh	Nữ	22/11/2002	7340201	022302006697	0866942965	PKS	x
136	CQ13DH0130	Trần Nhật Hoàng	Nam	19/11/1998	7340201	101321496	0961883400	PKS	x
137	CQ13DH0131	Trần Thị Thùy	Nữ	22/08/2002	7340201	022302000158	0987664291	PKS	x
138	LA13DH0004	Soudalath Daly	Nữ	16/06/2002	7340201	P2888336	0934305653	GĐTT	x
139	LA13DH0002	Phonethida Douangmany	Nữ	30/07/2001	7340201	P2888287	0901533734	PKS	x
140	LA13DH0008	Bouavone Phanthabouasy	Nữ	16/11/2001	7340201	PA 0418833	0966753206	PKS	x
141	LA13DH0022	Lai on Souliyasack	Nữ	21/07/2002	7340201	P2887978	0775300315	PKS	x
142	CQ13DH0452	Nguyễn Việt Anh	Nam	25/12/1999	7520601	034099002548	0344884991	PKS	x
143	CQ13DH0436	Phạm Hải Nam	Nam	21/12/1990	7520601	022090002444	0345339333	GĐTT	x
144	CQ13DH0187	Phạm Thanh Tùng	Nam	18/06/2002	7520601	022202002418	0337489662	GĐTT	x
145	LA13DH0024	Keng Thor	Nam	06/03/2000	7520601	PA0318842	0789235636	PKS	x
146	LTCQ13DH12	Phạm Tiến Tuyền	Nam	30/03/1985	7520607	034085018339	0984300385	PKS	x
147	LTCQ14DH01	Nguyễn Văn Cường	Nam	24/09/1994	7510303	030094014042	0374329004	PKS	x
148	LTCQ14DH11	Nguyễn Duy Thuấn	Nam	28/11/1991	7520601	1111111111		PKS	x
149	LTCQ14DH15	Phạm Hồng Thanh	Nam	12/12/1985	7520601	022085003327	0903487435	PKS	x
150	LTCQVB214DH01	Phạm Thị Diệu Linh	Nữ	15/11/1999	7340301	022199002151	0969528058	PKS	x
151	CQ11DH0126	Phạm Tuấn Anh	Nam	20/09/2000	7510301	022200002990	0338053033	PKS	x

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 10 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



TS. Hoàng Hùng Thắng

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2024 PHẢN HỒI
(Kèm theo Báo cáo số:.....33.6.../BC-ĐHCNQN ngày...13... tháng 10 năm 2025 của trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	CQ10DH0124	Nguyễn Đỗ Đức Nghĩa	05/09/1999	x						x			Quảng Ninh
2	CQ11DH0051	Hoàng Anh Quân	03/11/1999			x						x	Quảng Ninh
3	CQ11DH0024	Nguyễn Đức Hoàng	03/02/2000	x						x			Quảng Ninh
4	CQ12DH0003	Nguyễn Thanh Tùng	15/11/2001		x					x			Quảng Ninh
5	CQ12DH0032	Đình Văn Thái	16/09/2001	X						x			Quảng Ninh
6	CQ12DH0088	Đồng Minh Quang	21/09/1997		x							x	Lào
7	CQ12DH0087	Nguyễn Tiến Đạt	29/08/2001	x					x				Quảng Ninh
8	CQ12DH0137	Dương Văn Huệ Giang	01/12/2000	x					x				Quảng Ninh
9	CQ12DH0148	Bùi Văn Long	16/04/1991			x				x			Hải Dương
10	CQ12DH0085	Nguyễn Tiến Thành	24/06/2000	x					x				Quảng Ninh
11	CQ12DH0059	Trần Khánh Duy	23/12/2001	x						x			Quảng Ninh
12	CQ13DH0364	Hoàng Văn Chinh	12/02/2002	x						x			Quảng Ninh
13	CQ13DH0088	Lê Tiến Đạt	14/01/2002	x						x			Quảng Ninh
14	CQ13DH0429	Chu Tiến Đoàn	25/10/2002		x					x			Lạng Sơn
15	CQ13DH0072	Trương Thành Lộc	19/10/2002	x						x			Hà Nội
16	CQ13DH0091	Vũ Đức Thắng	31/10/2002		x					x			Quảng Ninh
17	CQ13DH0084	Vũ Văn Trung	22/06/2002	x								x	Quảng Ninh

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)	
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài		
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo								
18	CQ13DH0370	Đinh Quang Tuấn	26/07/2002	x							x			Quảng Ninh
19	CQ13DH0323	Bùi Huy Việt	03/01/2002	x							x			Quảng Ninh
20	LA13DH0015	Bang Phonevilay	05/12/1999	x									x	Lào
21	LA13DH0014	Vanxay Vangchuemoua	25/04/1999	x									x	Lào
22	CQ13DH0442	Vũ Minh Đức	26/10/1998	x					x					Quảng Ninh
23	CQ13DH0256	Dương Thanh Huy	22/05/2002	x					x					Quảng Ninh
24	CQ13DH0267	Nguyễn Minh Thắng	24/03/2002	x					x					Quảng Ninh
25	CQ13DH0322	Đỗ Hoàng Việt	12/02/2002	x					x					Quảng Ninh
26	CQ13DH0329	Nguyễn Tuấn Anh	09/08/2002	x						x				Quảng Ninh
27	CQ13DH0432	Võ Vinh Giang	06/09/2002	x					x					Quảng Ninh
28	CQ13DH0181	Nguyễn Tuấn Hiền	29/05/2002	x						x				Quảng Ninh
29	CQ13DH0271	Trần Gia Phong	26/05/2002	x						x				Quảng Ninh
30	LA13DH0020	Khamsy Lorxayxang	07/01/2001	x									x	Lào
31	LA13DH0016	Phouvone Vilaphone	11/07/2001	x							x			Lào
32	LA13DH0017	Ongphet Yotbounmy	01/02/1999	x									x	Lào
33	CQ13DH0231	Lê Thanh Bách	23/09/2001	x							x			Quảng Ninh
34	CQ13DH0058	Đặng Minh Hiếu	25/06/2001	x					x					Quảng Ninh
35	CQ13DH0251	Tô Tiên Hiếu	03/12/2002	x					x					Quảng Ninh
36	CQ13DH0273	Lê Trọng Tú	27/12/2002	x							x			Quảng Ninh
37	CQ13DH0282	Nguyễn Văn Đạt	19/11/2002	x							x			Quảng Ninh
38	CQ13DH0268	Đinh Như Đức	26/10/2002	x									x	Quảng Ninh
39	CQ13DH0387	Vũ Hoàng Trung Đức	19/03/2002	x					x					Quảng Ninh
40	CQ13DH0186	Trịnh Ngọc Dũng	14/12/2002		x				x					Quảng Ninh
41	CQ13DH0263	Trần Hùng Dũng	31/08/2002		x						x			Quảng Ninh

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)	
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài		
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo								
42	CQ13DH0178	Phạm Văn Hiếu	08/01/2002		x						x			Quảng Ninh
43	CQ13DH0295	Đỗ Khắc Hoàng	20/08/2002	x						x				Quảng Ninh
44	CQ13DH0240	Phạm Thế Hùng	28/03/2002	x									x	Nhật
45	CQ13DH0389	Đinh Việt Hưng	23/09/2002	x									x	Quảng Ninh
46	CQ13DH0248	Bế Tiến Huy	02/03/2002	x						x				Quảng Ninh
47	CQ13DH0232	Vũ Huy Đức Long	19/11/2001	x									x	Quảng Ninh
48	CQ13DH0239	Đỗ Đình Lương	12/07/2002	x									x	Hải Phòng
49	CQ13DH0265	Cao Hoàng Mạnh	06/12/2002	x						x				Hà Nội
50	CQ13DH0175	Nguyễn Hồng Minh	13/11/2002	x									x	Nhật
51	CQ13DH0299	Hoàng Long Quân	18/04/2002			x							x	Hải Phòng
52	CQ13DH0276	Mạc Hồng Quang	15/05/2002	x									x	Quảng Ninh
53	CQ13DH0394	Vũ Đức Sơn	31/10/2001		x								x	Quảng Ninh
54	CQ13DH0254	Nguyễn Ngọc Thán	15/06/2002		x								x	Quảng Ninh
55	CQ13DH0285	Đinh Công Thành	25/03/2002	x							x			Quảng Ninh
56	CQ13DH0431	Hà Nguyễn Thế Toàn	30/08/2001	x							x			Quảng Ninh
57	CQ13DH0246	Trần Bình Trọng	22/12/2002	x									x	Nhật
58	CQ13DH0252	Hoàng Văn Trường	23/08/2002						x					
59	CQ13DH0396	Nguyễn Quang Trường	18/07/2002		x								x	Quảng Ninh
60	CQ13DH0257	Đinh Xuân Tùng	06/07/2002	x									x	Nhật
61	LA13DH0023	Chor Lao	07/03/1999	x							x			Lào
62	LA13DH0019	Maipheng Lorphetxay	09/02/1999	x							x			Lào
63	LA13DH0027	Phimmason Manivong	15/10/2000	x						x				Lào
64	LA13DH0005	Sathaphone Mathipanya	26/07/2002	x							x			Lào
65	LA13DH0026	Chimy Pakayheuang	06/11/2001			x							x	Lào

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)	
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài		
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo								
66	LA13DH0018	Senxay Phouthavongsa	17/11/2001	x							x			Lào
67	LA13DH0025	Bounchanh Salikathong	06/09/2001	x							x			Lào
68	LA13DH0006	Soulinthone Sivongsack	15/05/1998	x							x			Lào
69	LA13DH0007	Vongphachanh Thippaxay	05/03/2003	x							x			Lào
70	LA13DH0009	Anousith Vannachone	19/10/2002	x							x			Lào
71	LA13DH0001	Xaiyasith Xaiyaphone	17/07/2002	x							x			Lào
72	CQ13DH0192	Nguyễn Tuấn Anh	02/11/1995	x							x			Hải Dương
73	CQ13DH0196	Phạm Tuấn Anh	25/08/2002	x									x	Quảng Ninh
74	CQ13DH0198	Trần Việt Anh	16/08/2001	x									x	Quảng Ninh
75	CQ13DH0199	Đoàn Tuấn Anh	07/11/2002		x								x	Quảng Ninh
76	CQ13DH0204	Vũ Tuấn Anh	21/05/2002	x									x	Quảng Ninh
77	CQ13DH0208	Nguyễn Minh Anh	09/05/2002		x								x	Quảng Ninh
78	CQ13DH0464	Nguyễn Văn Ca	01/11/1989	x							x			Hải Dương
79	CQ13DH0219	Bùi Duy Đức	16/01/2002					x						
80	CQ13DH0422	Trần Tiến Đức	07/03/2002	x							x			Quảng Ninh
81	CQ13DH0298	Phạm Tiến Dũng	30/03/2002	x									x	Quảng Ninh
82	CQ13DH0224	Bùi Đức Hiếu	16/12/2002			x							x	Quảng Ninh
83	CQ13DH0402	Nguyễn Văn Hòa	04/05/2002		x						x			Quảng Ninh
84	CQ13DH0189	Lê Việt Hoàng	20/10/2001	x									x	Quảng Ninh
85	CQ13DH0235	Nguyễn KimViệt Hoàng	24/10/2002		x						x			Quảng Ninh
86	CQ13DH0188	Trần Quốc Hùng	03/11/2002		x						x			Quảng Ninh
87	CQ13DH0190	Bùi Văn Huy	09/12/2002	x									x	Quảng Ninh
88	CQ13DH0226	Lê Bảo Khang	17/05/2002	x							x			Quảng Ninh
89	CQ13DH0423	Cao Vũ Lâm	18/11/2002	x							x			Quảng Ninh

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)	
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài		
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo								
90	CQ13DH0205	Đinh Thành Lập	29/12/2001	x									x	Quảng Ninh
91	CQ13DH0319	Lương Khánh Linh	31/12/2002	x							x			Quảng Ninh
92	CQ13DH0194	Nguyễn Văn Lộc	08/07/2002			x					x			Quảng Ninh
93	CQ13DH0206	Nguyễn Đức Minh	01/10/2002			x							x	Quảng Ninh
94	CQ13DH0441	Bùi Hùng Quân	13/11/2002		x								x	Quảng Ninh
95	CQ13DH0304	Phạm Ngọc Sơn	09/07/2000	x							x			Hà Nội
96	CQ13DH0193	Phạm Quốc Toàn	02/09/2002			x							x	Quảng Ninh
97	CQ13DH0221	Hà Quốc Toàn	07/01/2002	x									x	Quảng Ninh
98	CQ13DH0312	Ngô Thanh Tú	15/01/2002	x							x			Hải Dương
99	CQ13DH0216	Lưu Mạnh Tuấn	12/02/2002		x								x	Quảng Ninh
100	CQ13DH0218	Chu Minh Tuấn	01/11/2001		x						x			Quảng Ninh
101	CQ13DH0244	Bùi Thế Vinh	06/10/2002	X									X	Quảng Ninh
102	CQ13DH0404	Nguyễn Danh Vọng	27/10/2002		x								x	Quảng Ninh
103	CQ13DH0016	Nguyễn Thị Vân Anh	21/04/2002	x							x			Quảng Ninh
104	CQ13DH0028	Nguyễn Ngọc Anh	24/08/2002	x							x			Quảng Ninh
105	CQ13DH0412	Vũ Trung Anh	05/09/2002	x							x			Quảng Ninh
106	CQ13DH0050	Cao Ngọc Ánh	08/12/2002	x							x			Quảng Ninh
107	CQ13DH0054	Vũ Ngọc Ánh	24/02/2002	x							x			Quảng Ninh
108	CQ13DH0035	Nguyễn Thị Bình	09/03/2002	x						x				Quảng Ninh
109	CQ13DH0456	Đặng Văn Bình	22/12/2002			x							x	Quảng Ninh
110	CQ13DH0057	Nguyễn Linh Chi	16/07/2002	x										Quảng Ninh
111	CQ13DH0049	Phùng Văn Đồng	02/11/2002			x							x	Quảng Ninh
112	CQ13DH0019	Quách Thu Hiền	03/07/2002			x					x			Quảng Ninh
113	CQ13DH0362	Nguyễn Thị Thanh Lam	23/07/2002	x							x			Thái Bình

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
114	CQ13DH0005	Nguyễn Thùy Linh	21/07/2001			X				X			Hà Nội
115	CQ13DH0063	Giang Thị Khánh Linh	31/12/2002	X						X			Quảng Ninh
116	CQ13DH0293	Nguyễn Hoài Linh	18/11/2002	X						X			Quảng Ninh
117	CQ13DH0303	Nguyễn Thị Kiều Oanh	26/12/2002	X						X			Quảng Ninh
118	CQ13DH0003	Đỗ Văn Phòng	08/09/1995	X						X			Quảng Ninh
119	CQ13DH0053	Bùi Đình Như Quỳnh	21/11/2002	X						X			Quảng Ninh
120	CQ13DH0144	Ninh Thị Tâm	05/07/2002	X						X			Quảng Ninh
121	CQ13DH0061	Phạm Thị Thúy	21/08/2002	X						X			Quảng Ninh
122	CQ13DH0040	Vũ Thị Kiều Trang	15/12/2002	X						X			Quảng Ninh
123	CQ13DH0307	Lê Thị Huyền Trang	30/01/2002	X						X			Quảng Ninh
124	CQ13DH0342	Đào Thu Trang	09/12/2002	X						X			Quảng Ninh
125	CQ13DH0440	Chung Thị Kiều Trang	19/10/2002		X					X			Quảng Ninh
126	LA13DH0013	Soulasack Inthaxay	11/11/2001	X						X			Lào
127	LA13DH0012	Kounda Meexai	29/12/2001	X								X	Lào
128	LA13DH0010	Cheuy Phonemaisee	13/10/2000	X						X			Lào
129	LA13DH0011	Maita Seesompheng	16/10/2001	X								X	Lào
130	CQ13DH0347	Nguyễn Văn Đồng	07/03/2002	X						X			Quảng Ninh
131	CQ13DH0463	Nguyễn Trường Giang	02/02/1980	X					X				Quảng Ninh
132	CQ13DH0064	Nguyễn Huy Hoàng	05/09/1999	X						X			Quảng Ninh
133	CQ13DH0367	Trần Quang Hưng	22/08/2002	X						X			Quảng Ninh
134	CQ13DH0419	Dương Ngọc Thùy	01/01/2002	X						X			Quảng Ninh
135	CQ13DH0462	Cao Thị Thùy Anh	22/11/2002	X						X			Quảng Ninh
136	CQ13DH0130	Trần Nhật Hoàng	19/11/1998	X					X				Quảng Ninh
137	CQ13DH0131	Trần Thị Thùy	22/08/2002	X						X			Quảng Ninh

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)	
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài		
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo								
138	LA13DH0004	Soudalath Daly	16/06/2002	x							x			Lào
139	LA13DH0002	Phonethida Douangmany	30/07/2001	x									x	Lào
140	LA13DH0008	Bouavone Phanthabouasy	16/11/2001	x							x			Hà Nội
141	LA13DH0022	Lai on Souliyasack	21/07/2002	x							x			Lào
142	CQ13DH0452	Nguyễn Việt Anh	25/12/1999	x						x				Quảng Ninh
143	CQ13DH0436	Phạm Hải Nam	21/12/1990	x						x				Quảng Ninh
144	CQ13DH0187	Phạm Thanh Tùng	18/06/2002	x						x				Quảng Ninh
145	LA13DH0024	Keng Thor	06/03/2000	x							x			Lào
146	LTCQ13DH12	Phạm Tiến Tuyển	30/03/1985	x							x			Quảng Ninh
147	LTCQ14DH01	Nguyễn Văn Cường	24/09/1994	x						x				Quảng Ninh
148	LTCQ14DH11	Nguyễn Duy Thuần	28/11/1991	x						x				Quảng Ninh
149	LTCQ14DH15	Phạm Hồng Thanh	12/12/1985	x						x				Quảng Ninh
150	LTCQVB214DH01	Phạm Thị Diệu Linh	15/11/1999	x							x			Quảng Ninh
151	CQ11DH0126	Phạm Tuấn Anh	20/09/2000	x						x				Quảng Ninh

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 10 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



TS. Hoàng Hùng Thắng